TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Thống**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 388/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bùi Thị P,** sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn S,** sinh năm xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị P trình bày:

Bà P và ông S do quen biết, có tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới, không có đăng kí kết hôn. Ông S về sống chung nhà với Bà P từ năm 2013 cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoản năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh đập Bà P, đập phá đồ đạc và điện thoại của Bà P, bạn bè của Bà P đến nhà hát Karaoke, ông S cũng không cho, Bà P đi đâu ông S cũng không đồng ý, cuộc sống chung ngột ngạt nên Bà P yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Bà P mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông S.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Bà P và ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Bùi Thị P yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn S, sinh năm xxxx, ngụ tại Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T; Tuy nhiên theo lời khai của Bà P và xác minh của Tòa án tại địa phương được biết Bà P và ông S sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng kí kết hôn nên đây là quan hệ "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của Bà P nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn S.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông S chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh đập Bà P, đập phá đồ đạc và điện thoại của Bà P, bạn bè của Bà P đến nhà hát Karaoke, ông S cũng không cho, Bà P đi đâu ông S cũng không đồng ý, cuộc sống chung ngột ngạt nên Bà P yêu cầu ly hôn với ông S. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có tha thiết gì về quan hệ chung sống với Bà P. Từ những tình tiết nêu trên nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn S là không trái đạo đức xã hội, là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P có yêu cầu ly hôn nên Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

X***ử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029115 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, bà Bùi Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh